

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

Vụ án: “Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Quỳnh Nga

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo—Thư ký TAND thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Lực— Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 402/2020/TLST – HNGĐ ngày 16/11/2020, về “Ly hôn - Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX – ST ngày 24/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Ngọc T**; sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT và nơi cư trú: 167, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông **Dương Trọng N**, sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT và nơi cư trú: Tổ 8, ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Lâm Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Dương Trọng N có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 07-8-2017. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm về kinh tế và con cái nên vợ chồng bà thường xuyên cãi vã nhau. Khi cãi vã, ông N hay dùng bạo lực, đe dọa, đánh đập bà. Đến tháng 01/2020, bà đưa 02 con về nhà cha mẹ ruột và

vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân, ông N thỉnh thoảng cũng có qua lại nhưng hay gây gổ với bà. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Trọng N;
- Về con chung: Có 02 con chung là Dương Lâm Ngọc N và Dương Lâm Mỹ H, cùng sinh ngày 17-01-2018; Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung;
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn, ông Dương Trọng N trình bày:

Về điều kiện kết hôn đúng như lời bà T trình bày. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống bình thường. Về mâu thuẫn vợ chồng theo ông N là do bà T không biết chăm sóc gia đình nên xảy ra cãi vã và xô xát. Hơn nữa mỗi khi cãi vã thì bà T rất nóng tính, đập cả Tivi nên ông có đánh bà T. Theo ông N thì mâu thuẫn vợ chồng ông không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn yêu thương bà T và 2 con.
- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung như lời bà T trình bày. Trong quá trình làm việc tại Tòa, ông N cho rằng trong trường hợp mà Tòa giải quyết cho bà T ly hôn thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đ/01 con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông N yêu cầu được nuôi cháu Dương Lâm Mỹ H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu Dương Lâm Mỹ H và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Dương Lâm Ngọc N.
- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Theo xác minh tại địa phương, nơi vợ chồng bà T, ông N sinh sống, ông Trần Văn S, Trưởng ấp N, xã L, Tp B cho biết: Bà T và ông N có thời gian chung sống với nhau tại ấp N, xã L, thành phố B. Giữa 2 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nhưng nguyên nhân do đâu thì địa phương không rõ. Hiện nay, bà T và ông N đã sống ly thân nhiều tháng nay. Bà T về nhà ba mẹ ruột ở xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống. Ông N vẫn sống tại địa chỉ trên. Vợ chồng bà T, ông N không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Con chung của bà T và ông N thì khi bà T về huyện L sinh sống thì đưa cả 02 con chung theo.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:

[4.1] Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS;

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định BLTTDS;

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 BLTTDS;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thời hạn xét xử chậm, cần rút kinh nghiệm

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

[4.2] Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Dương Trọng N

- Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lâm Ngọc N; Ông Dương Trọng N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lâm Mỹ H;

Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Dương Trọng N không yêu cầu nên không xem xét

- Về án phí HNST: Bà T phải nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Bà Lâm Thị Ngọc T có đơn khởi kiện “Yêu cầu ly hôn – Tranh chấp về nuôi con” với ông Dương Trọng N; Ông N có nơi cư trú Tổ 8, ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

[2] Về Nội dung:

Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Dương Trọng N có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2017, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do bà T xuất trình nên hôn nhân của bà T, ông N là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật.

Theo bà T và ông N thì thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà T là do ông bất đồng quan điểm về kinh tế và con cái. Còn theo ông N thì do bà T không biết chăm sóc gia đình và cả hai vợ chồng đều nóng tính nên dẫn đến việc cãi vã, đánh đập nhưng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng đến mức phải ly hôn.

Qua xác minh tại ấp N, xã L, thành phố B, nơi vợ chồng bà T, ông N chung sống với nhau sau khi kết hôn thì giữa ông N và bà T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hiện ông N vẫn sinh sống tại địa chỉ trên, còn bà T đã đưa 02 con chung về huyện L sinh sống.

Lời khai của bà T phù hợp với xác minh của Tòa, nơi hai vợ chồng bà T sinh sống nên có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà T, ông N là có thật. Ông N và bà T cũng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, thời gian sống ly thân cũng không ai còn quan tâm, lo lắng cho ai nữa cả. Xét thấy, sự mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông N là có thật và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T

- Về con chung: Bà T và ông N có 02 (hai) con chung là Dương Lâm Ngọc N và Dương Lâm Mỹ H, cùng sinh ngày 17-01-2018;

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung;

Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Dương Lâm Mỹ H và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu Dương Lâm Mỹ H

Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng đều nhằm mục đích cho các con phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Cả 02 (hai) con chung của bà T và ông N đều đã trên 3 tuổi; bà T và ông N đều làm nghề tự do, thu nhập cũng tương đương nhau nên giao cho bà T và ông N mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông N, giao cháu Dương Lâm Mỹ H cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng; Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lâm Ngọc N;

Bà T và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

- Về Tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về Án phí HNST: Bà Lâm Thị Ngọc T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

- Căn cứ các Điều 56, 58; 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc T về “Ly hôn - Tranh chấp về nuôi con”

[1] Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Dương Trọng N

[2] Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Dương Trọng N có 02 (hai) con chung là Dương Lâm Ngọc N và Dương Lâm Mỹ H, cùng sinh ngày 17-01-2018;

Bà Lâm Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lâm Ngọc N;

Ông Dương Trọng N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lâm Mỹ H;

Bà T và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

Bà T, ông N được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở;

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về Tài sản chung và Nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Dương Trọng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về Án phí HNST: Bà Lâm Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2020/0003054 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa, bà T đã nộp xong án phí.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17-6-2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- THA Dân sự TP Bà Rịa;
- UBND xã Long Phước, Tp Bà Rịa
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Mai

